

## □ 112. LUYỆN TẬP CHUNG

### A – MỤC TIÊU

Giúp HS ôn tập, củng cố về :

– Dấu hiệu chia hết cho 2 ; 3 ; 5 ; 9 ; khái niệm ban đầu của phân số, tính chất cơ bản của phân số, rút gọn phân số, quy đồng mẫu số hai phân số, so sánh các phân số.

– Một số đặc điểm của hình chữ nhật, hình bình hành.

### B – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

GV tổ chức, hướng dẫn HS làm lần lượt từng bài. Khi HS chữa bài GV nên kết hợp giúp HS ôn lại nội dung cần ghi nhớ của các bài học liên quan đến từng bài tập. Chẳng hạn :

**Bài 1 :** Cho HS làm bài. Khi HS chữa bài GV nêu câu hỏi để khi trả lời HS ôn tập lại dấu hiệu chia hết cho 2 ; 3 ; 5 ; 9.

*Ví dụ :* Khi làm bài tập phần c) HS chỉ cần làm như sau :

c) 7 5 6 chia hết cho 9.

Số vừa tìm được có chữ số tận cùng bên phải là 6 nên số đó chia hết cho 2 ; số vừa tìm được chia hết cho 9 nên chia hết cho 3. Vậy 756 vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 3.

GV có thể hỏi HS để HS nêu dấu hiệu chia hết cho 9 ; cho 2 ; cho 3 ; hoặc GV có thể yêu cầu HS trả lời vì sao viết chữ số 6 vào ô trống (tức là yêu cầu HS giải thích vì sao 756 chia hết cho 9) ...

**Bài 2 :** Cho HS tự làm bài rồi chữa bài. Chẳng hạn, HS có thể trình bày bài làm như sau :

• Số HS của cả lớp học đó là :  $14 + 17 = 31$  (HS)

• a)  $\frac{14}{31}$  ;      b)  $\frac{17}{31}$ .

**Bài 3 :** Cho HS tự làm bài rồi chữa bài. Chẳng hạn, HS có thể trình bày bài làm như sau :

- Rút gọn các phân số đã cho ta có :

$$\frac{20}{36} = \frac{20:4}{36:4} = \frac{5}{9}; \quad \frac{15}{18} = \frac{15:3}{18:3} = \frac{5}{6}; \quad \frac{45}{25} = \frac{45:5}{25:5} = \frac{9}{5};$$

$$\frac{35}{63} = \frac{35:7}{63:7} = \frac{5}{9}.$$

- Các phân số bằng  $\frac{5}{9}$  là :  $\frac{20}{36}; \frac{35}{63}$ .

**Bài 4 :** Cho HS tự làm bài rồi chữa bài. Chẳng hạn :

- Rút gọn các phân số :

$$\frac{8}{12} = \frac{8:4}{12:4} = \frac{2}{3}; \quad \frac{12}{15} = \frac{12:3}{15:3} = \frac{4}{5}; \quad \frac{15}{20} = \frac{15:5}{20:5} = \frac{3}{4}$$

- Quy đồng mẫu số các phân số  $\frac{2}{3}; \frac{4}{5}; \frac{3}{4}$  :

$$\frac{2}{3} = \frac{2 \times 5 \times 4}{3 \times 5 \times 4} = \frac{40}{60}; \quad \frac{4}{5} = \frac{4 \times 3 \times 4}{5 \times 3 \times 4} = \frac{48}{60}; \quad \frac{3}{4} = \frac{3 \times 5 \times 3}{4 \times 5 \times 3} = \frac{45}{60}$$

- Ta có :  $\frac{40}{60} < \frac{45}{60}$  và  $\frac{45}{60} < \frac{48}{60}$  ;

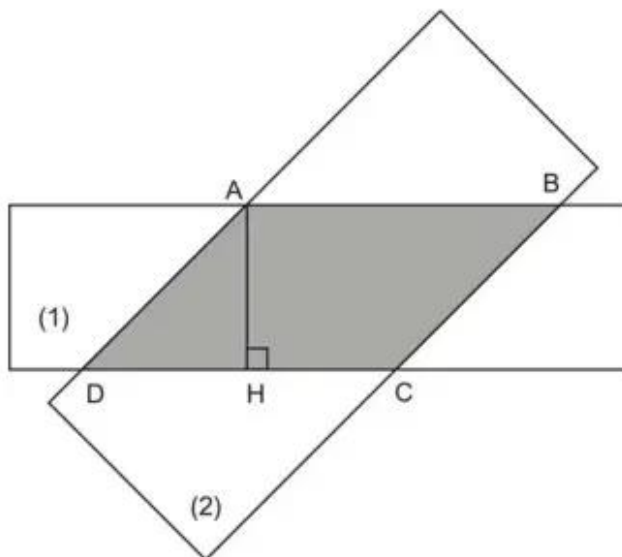
Vậy các phân số đã cho được viết theo thứ tự từ lớn đến bé là :

$$\frac{12}{15}; \frac{15}{20}; \frac{8}{12}.$$

**Bài 5 :**

a) Cạnh AB và cạnh CD của tứ giác ABCD thuộc hai cạnh đối diện của hình chữ nhật (1) nên chúng song song với nhau. Tương tự, cạnh DA và cạnh BC thuộc hai cạnh đối diện của hình chữ nhật (2) nên chúng song song với nhau.

Vậy, tứ giác ABCD có từng cặp cạnh đối diện song song.



b) Đo độ dài các cạnh của hình tứ giác ABCD ta có :

$$AB = 4\text{cm} \quad ; \quad DA = 3\text{cm}$$

$$CD = 4\text{cm} \quad ; \quad BC = 3\text{cm}$$

Tứ giác ABCD có từng cặp cạnh đối diện bằng nhau.

c) Diện tích của hình bình hành ABCD là :

$$4 \times 2 = 8 \text{ (cm}^2\text{)}$$

**Chú ý :** GV nên căn cứ vào điều kiện cụ thể của lớp học để lựa chọn các bài tập cho HS làm và chữa tại lớp hoặc làm bài khi tự học rồi chữa bài vào tiết học sau.